

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-PT
Ngày: 26-3-2019
V/v T/c QSD đất và T/c lối đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Lương Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp lối đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị V: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh L.

- Bị đơn:

1. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 219/8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L.

2. Bà Trương Thị B, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số nhà 139B/8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị B: Luật sư Lê Văn Lâm - Công ty Luật TNHH một thành viên Sài Gòn Mê Kông, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh L.

2. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số nhà 139B/8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông G: Bà Trương Thị B, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số nhà 139B/8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L.

3. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số nhà 219/8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trương Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện cùng ngày 18/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nội dung khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị V và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bà V là ông Nguyễn Thanh Đ được tóm tắt như sau:

Bà V được cha mẹ là ông Trương Văn Tr, bà Nguyễn Thị Ch cho phần đất lúa diện tích 2.500m² thuộc thửa số 818 (số thửa mới hiện nay là 253), tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh L vào năm 2013. Nguồn gốc thửa đất này do cha mẹ bà V nhận chuyển nhượng từ cha bà B là ông Trương Văn Tr vào năm 1990. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay, gia đình bà V đi từ thửa đất 818 ra đường công cộng bằng 01 lối đi là bờ ranh giữa 02 thửa 255 (của bà Trương Thị Đ) và thửa 301 (của bà Trương Thị B), cùng tờ bản đồ số 4, xã T, huyện C, tỉnh L. Từ năm 2014, bà Đ và bà B ngăn cản không cho gia đình bà V sử dụng lối đi trên để ra vào thửa đất số 818 canh tác. Bà V có yêu cầu bà Đ và bà B để lại cho bà V lối đi này với lý do lối đi có từ xưa đến nay, đã được sử dụng qua nhiều đời chủ và nhiều thế hệ, không phải do bà B và bà Đ tự tạo và bồi đắp, nhưng bà B và bà Đ không đồng ý. Nay bà V yêu cầu bà B và bà Đ tạo cho bà V phần lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà Bé là 0,35m, phía bà Đồi là 0,35m*), chiều dài là 22m để gia đình bà sử dụng đi từ đường công cộng vào thửa đất số 818.

Ngoài ra, bà V còn xác định giáp ranh với thửa đất 818 (nay là thửa 253) của bà là thửa đất số 301, tờ bản đồ số 04, xã T của bà Trương Thị B. Trong quá trình sử dụng, vào năm 2015, phía gia đình bà B đã tự ý xây dựng nhà ở và để vật dụng lấn chiếm sang phần đất thuộc một phần thửa 818 (nay là thửa 253) của bà V, phần đất lấn chiếm có hình tam giác, chiều ngang 0,6m, chiều dài 43m, tổng diện tích 12,9m². Do đó, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải di dời một phần nhà, trả lại cho bà V phần đất lấn chiếm có vị trí tại các khu A, B, C, D theo mảnh trích đo địa chính ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành. Ông Đ cho rằng trước khi bà

V được cha mẹ cho đất, hai bên có tổ chức cắm cọc và xác định ranh giới đất. Khi đó, bà V, bà B và chủ đất giáp ranh là ông H có mặt, chứng kiến, ký tên vào biên bản giáp ranh, hiện tại cọc ranh vẫn còn.

Bị đơn bà Trương Thị B (Bà B còn là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn G) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về lối đi của bà V: Trước đây bà B có kêu bà V nhận chuyển nhượng phần đất để làm lối đi vào thửa đất 818 (nay là thửa 253) và thửa đất số 432, nhưng bà V không đồng ý. Nay bà V yêu cầu bà B và bà Đ tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (phía bà Bé là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m), chiều dài là 22m để gia đình bà V sử dụng đi từ đường công cộng vào thửa đất số 818 thì bà B không đồng ý. Bởi vì bà V có nhiều lối đi khác, phần lối đi bà V yêu cầu không phải là lối đi duy nhất để ra vào thửa đất 818 (nay là thửa 253) và thửa đất số 432.

Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của bà V: Khi chuyển nhượng đất, cha bà B chuyển nhượng cho cha bà V khoảng 8 công đất, cha bà V yêu cầu bù thêm 01m ngang nữa thì mới đồng ý nhận chuyển nhượng, bên gia đình bà B cũng đồng ý. Ông Đ trình bày phía gia đình bà V có tổ chức cắm cọc và xác định ranh giới giữa thửa đất 818 (nay là thửa 253) của bà V và thửa đất số 301 của bà B với có sự có mặt của bà V, bà B và ông H (chủ đất giáp ranh) là không đúng. Bà B xác định cọc ranh đó là do phía bà V (cha bà V) tự cắm cách đây đã 10 năm và cắm ở 02 đầu. Khi cắm ranh bà B không đồng ý, nhưng bà B cũng chấp nhận cho cắm ranh, nếu sau này có tranh chấp thì nhờ địa chính đo lại theo đúng giấy tờ, căn cứ theo giấy tờ mà giải quyết. Cọc ranh hiện nay vẫn còn, bà B xây dựng nhà vào năm 2016. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà B trả lại phần đất có vị trí tại các khu A, B, C, D theo mảnh trích đo địa chính ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành, thì bà B không đồng ý đối với phần đất có vị trí tại các khu A, C và D, còn phần đất tại vị trí B bà B xác định là của bà V nên bà không tranh chấp. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà V đối với phần đất có vị trí tại các khu A, C và D, thì bà B đồng ý tự tháo dỡ phần nhà để trả lại phần đất trên cho bà V.

Bị đơn Trương Thị Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Trước đây, để đi từ đường công cộng vào thửa 818 (nay là thửa 253) thì gia đình bà V có đi nhờ trên phần đất thuộc thửa 255 của bà. Thửa đất 255 này bà đã thực hiện san lấp thành đất ở cách nay hơn 16 năm. Nay bà V yêu cầu bà và bà B tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m), chiều dài là 22m để gia đình bà V sử dụng đi từ đường công cộng vào thửa đất số 818 thì bà không đồng ý. Bởi vì bà V có nhiều lối đi khác, phần lối đi bà V yêu cầu không phải là lối đi duy nhất để ra vào thửa đất 818 (nay là thửa 253) và thửa đất số 432.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà Đ, không trình bày gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 235, 246, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 164, 166, 175 và 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị V về việc yêu cầu bà Trương Thị B và bà Trương Thị Đ mở lối đi có chiều rộng 0,7m (chiều rộng 0,35m thuộc một phần thửa đất số 301, tờ bản đồ số 4, xã T của bà Trương Thị B và chiều rộng 0,35m thuộc một phần thửa đất số 255, tờ bản đồ số 04, xã T của bà Trương Thị Đ), chiều dài là 22m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị V về việc yêu cầu bà Trương Thị B trả cho bà Trương Thị V phần đất tranh chấp là các khu A có diện tích là 62,1 m², C có diện tích là 0,7 m² và D có diện tích là 3,6 m² theo mảnh trích đo địa chính do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành đo vẽ và duyệt ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Buộc bà Trương Thị V và ông Nguyễn Thanh Đ trả cho bà Trương Thị B phần đất có diện tích là 66,4 m², thuộc một phần thửa đất số 301, tờ bản đồ số 4, xã T, là các khu A có diện tích là 62,1 m², C có diện tích là 0,7 m² và D có diện tích là 3,6 m² theo mảnh trích đo địa chính do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành đo vẽ và duyệt ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Khu B có diện tích là 1,15 m², theo mảnh trích đo địa chính do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành đo vẽ và duyệt ngày 30 tháng 5 năm 2017, bà Trương Thị B không tranh chấp, bà Trương Thị B thừa nhận khu B là của bà V, nên thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị V.

3. Bà Trương Thị V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền là 17.454.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng), bà Trương Thị V đã nộp xong.

4. Bà Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 400.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị V đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007393 ngày 19 tháng 12 năm 2016 và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007394 ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Bà Trương Thị B và bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 11/12/2018, nguyên đơn Trương Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa toàn bộ án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

Về tranh chấp lối đi giữa bà V với bà B và bà Đ: Bà V, ông Đ rút lại phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo buộc bà B và bà Đ phải tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m*), chiều dài là 22m theo đơn ngày 08/3/2019. Bị đơn Trương Thị B và Trương Thị Đ đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp lối đi của bà V, ông Đ.

Về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà V với bà B: Ông Đ và bà B thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Bà Trương Thị B công nhận phần đất diện tích 62,1m² thể hiện vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị V.

+ Ông Nguyễn Thanh Đ công nhận phần đất diện tích 0,7m² thuộc khu C và phần đất diện tích 3,6m² thuộc khu D theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị B.

+ Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 17.454.000đ, bà V và bà B mỗi người chịu ½, tương ứng là 8.727.000đ. Bà V đã tạm nộp toàn bộ, nên bà B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà V 8.727.000đ.

+ Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà V chịu 1.200.000đ.

Án phí sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất: Bà V và bà B mỗi bên chịu ½.

Luật sư Lê Văn Lâm phát biểu ý kiến bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị B như sau: Đối với phần tranh chấp lối đi thì bà V, ông Đ đã rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và được các bị đơn đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc bà B và bà Đ phải tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m*), chiều dài là 22m. Về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà V với bà B liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất thể hiện tại các vị trí thuộc khu A,

C, D theo mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành: Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Đ và bà B đã tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp giữa các bên, thỏa thuận này là tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đối với tranh chấp lối đi thì bà V, ông Đ đã rút yêu cầu khởi kiện và được các bị đơn đồng ý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án liên quan đến yêu cầu khởi kiện tranh chấp lối đi của bà V đối với bà B, bà Đ. Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà V và bà B: Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông Đ và bà B đã tự thỏa thuận giải quyết tranh chấp giữa các bên, thỏa thuận này là tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn Trương Thị V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Đ được thực hiện đúng thời hạn, đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, bà Trương Thị V xác định rút lại phần yêu cầu khởi kiện buộc bà B và bà Đ phải tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m*), chiều dài là 22m cho gia đình bà sử dụng đi từ đường công cộng vào thửa đất số 818. Bị đơn Trương Thị Đ và Trương Thị B đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến phần tranh chấp lối đi của bà V. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà V về việc buộc bà B và bà Đ phải tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m*), chiều dài là 22m.

[2] Về nội dung liên quan đến kháng cáo của bà Trương Thị V, ông Nguyễn Thanh Đ về tranh chấp quyền sử dụng đất với bà B thể hiện tại các vị trí thuộc khu A, C, D theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ và bà B đã thống nhất tự thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp giữa các bên, kể cả chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm theo biên bản tự thỏa thuận giải quyết vụ án ngày 26/3/2018. Sự thỏa thuận này của các bên là tự nguyện, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Luật sư và

quan điểm của Kiểm sát viên, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa các bên về tranh chấp quyền sử dụng đất.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, Khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An và đình chỉ giải quyết một phần vụ án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị V về việc buộc bà Trương Thị B và bà Trương Thị Đ phải tạo lối đi là phần đất nằm giữa thửa 301 và 255 với chiều ngang là 0,7m (*phía bà B là 0,35m, phía bà Đ là 0,35m*), chiều dài là 22m.

2. Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 60/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An nội dung liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị V và bà Trương Thị B.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh Đ và bà Trương Thị B tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Xác định phần đất diện tích 62,1m² thể hiện vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị V.

Xác định phần đất diện tích 0,7m² thuộc khu C và phần đất diện tích 3,6m² thuộc khu D theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị B.

Bà Trương Thị B có nghĩa vụ di dời các vật dụng, cây trồng (nếu có) thuộc sở hữu của bà trên phần đất diện tích 62,1m² thể hiện vị trí khu A theo Mảnh trích đo địa chính số 154-2017 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Châu Thành là thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị V, để giao đất cho bà Trương Thị V.

3. Bà Trương Thị V, bà Trương Thị B có quyền, nghĩa vụ liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh lại diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

4. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 17.454.000đồng, bà V và bà B mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, tương ứng là 8.727.000đồng. Bà Trương Thị V đã tạm nộp toàn bộ, nên bà Trương Thị B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trương Thị V 8.727.000đồng.

5. Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà Trương Thị V chịu 1.200.000đồng (đã nộp xong)

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị V phải chịu 200.000đồng án phí về tranh chấp lời đi và 100.000đồng án phí về tranh chấp quyền sử dụng đất. Chuyển 400.000đồng tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo các biên lai thu số 0007393, 0007394 cùng ngày 19/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An sang thi hành án phí cho bà V, nên hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 100.000đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Trương Thị B phải nộp là 100.000đồng, nhưng bà B thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí (*người cao tuổi*), nên bà B không phải nộp.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu, hoàn lại cho bà Trương Thị V, ông Nguyễn Thanh Đ mỗi người 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo các biên lai thu số 0001065, 0001066 cùng ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh